

THỰC TRẠNG SẢN XUẤT HÀNH LÁ TẠI THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Lê Khắc Phúc*, Nguyễn Thị Thu Hương**, Phạm Bá Phú***

I. Đặt vấn đề

Hành lá là loài rau gia vị có giá trị kinh tế cũng như giá trị dinh dưỡng cao (Trần Đăng Khoa và cộng sự, 2011; Trần Đăng Hòa và cộng sự, 2011). Việc sản xuất hành lá hiện nay còn gặp nhiều khó khăn như giống thoái hóa, tỷ lệ mọc thấp, cây không đồng đều, dịch hại tăng trưởng mạnh, hiệu quả sản xuất chưa cao..., vì vậy cần phải áp dụng các biện pháp kỹ thuật để nâng cao hiệu quả sản xuất hành lá là điều cấp thiết phải thực hiện (Trần Đăng Hòa và cộng sự, 2014). Để thực hiện các biện pháp kỹ thuật hợp lý cần có công tác điều tra, đánh giá thực trạng sản xuất hành, làm cơ sở đánh giá và đưa ra nội dung thực hiện hợp lý. Trong khuôn khổ dự án xây dựng mô hình sản xuất giống hành lá (hành hoa) đạt tiêu chuẩn giống phục vụ sản xuất hành an toàn do Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế đầu tư, dự án đã điều tra công tác sản xuất, dịch hại (Quy chuẩn Quốc gia QCVN 01 - 169, 2014) và hiệu quả sản xuất hành lá tại thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Bài viết này là một phần kết quả nghiên cứu của dự án nói trên.

II. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

- **Đối tượng nghiên cứu:** Cây hành lá và các hộ sản xuất hành lá tại thị xã Hương Trà.

- **Thiết kế phiếu điều tra:** Xây dựng phiếu điều tra với các thông tin cơ bản như: Thông tin chung về hộ gia đình: Họ tên chủ hộ, tuổi, số lao động, lao động chính...; Các thông tin về tình hình sản xuất hành: Diện tích, mùa vụ, loại hành lá, phương pháp canh tác, dịch hại, loại thuốc phòng trừ, hiệu quả của các loại thuốc, hiệu quả kinh tế...

- **Phương pháp điều tra:** Tiến hành điều tra nông hộ có sự tham gia của người dân (Nguyễn Minh Hiếu và cộng sự, 2013). Mỗi phường điều tra 60 phiếu, điều tra tại 3 phường Hương An, Hương Chữ và Hương Xuân (thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế). Thời gian điều tra từ tháng 11/2017 đến tháng 6/2018.

* Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế.

** UBND thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

*** Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- **Phương pháp xử lý số liệu:** Các số liệu được mã hóa, nhập và tính trung bình bằng phần mềm SPSS 20.0.

III. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

1. Thực trạng sản xuất hành tại thị xã Hương Trà

Bảng 1. Thông tin chung của các hộ dân được khảo sát tại các phường Hương An, Hương Chữ và Hương Xuân, thị xã Hương Trà.

TT	Chỉ tiêu		Đơn vị tính	Phường		
				Hương An	Hương Chữ	Hương Xuân
1	Tuổi		Tuổi	52,5	55,7	54,5
2	Giới tính	Nam	%	93,3	80,0	93,3
		Nữ	%	6,7	20,0	6,7
3	Dân tộc	Kinh	%	100	100	100
		Khác	%	0,0	0,0	0,0
4	Trình độ		Lớp/12	8,5	7,5	7,4
5	Số người		Người	4,9	4,8	4,6
6	Số lao động		Người	2,4	2,5	3,0
7	Loại hộ	Nghèo	%	0,0	0,0	0,0
		Trung bình	%	61,7	68,3	58,3
		Khá	%	38,3	31,7	41,7

Bảng 1 cho thấy độ tuổi trung bình của các hộ được phỏng vấn dao động từ 52,5 đến 55,7 tuổi – đây cũng là độ tuổi có nhiều kinh nghiệm trong việc sản xuất hành lá. Tất cả hộ gia đình được phỏng vấn là dân tộc Kinh; Giới tính nam chiếm 80% đến 93,3%; Trình độ học vấn trung bình của các hộ dân từ 7,4 đến 8,5 theo cấp độ 12/12; Tổng số người của một hộ gia đình được phỏng vấn từ 4,6 đến 4,9 người/cả ba phường; Số lao động trong một hộ gia đình có người tham gia trồng hành là 2,4 đến 3 người; Tỷ lệ hộ nghèo chiếm 0%, các hộ có thu nhập ở mức độ trung bình chiếm 58,3% đến 68,3%, số hộ có thu nhập khá chiếm từ 31,7% đến 41,7%.

Bảng 2. Thực trạng chung về sản xuất hành lá tại thị xã Hương Trà.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phường		
			Hương An	Hương Chữ	Hương Xuân
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Diện tích đất	m ²	3.648,1	3.908,3	673,7
2	Diện tích hành	m ²	2.005,0	953,3	312,2
3	Số vụ	Vụ/năm	2,6	2,7	2,5

(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
4	Loại giống	Hành trâu	%	0,0	13,3	6,7
		Hành xanh	%	60,0	78,3	93,3
		Hành miền Nam	%	15,0	1,7	0,0
		Hành lai F1	%	23,3	6,7	0,0
		Khác	%	1,7	0,0	0,0
5	Phân bón	Ure	kg/sào	14,1	9,4	15,6
		Kali	kg/sào	6,6	5,7	11,1
		Lân	kg/sào	31,5	17,6	60,2
		NPK	kg/sào	8,6	17,3	18,2
		Chuồng	kg/sào	214,0	117,6	242,4
		Vi sinh	kg/sào	8,8	27,5	29,3
		Bón lá	Gói/hộ/sào	2,2	0,3	4,9
6	Năng suất		Tạ/sào	8,3	8,3	8,4
7	Nơi bán	Tại chợ	%	0,0	5,0	33,3
		Thương lái mua tại ruộng	%	81,7	95,0	65,0
		Nhập xe đi các tỉnh	%	18,3	0,0	1,7
		Khác	%	0,0	0,0	0,0

Bảng 2 cho thấy diện tích đất trung bình của mỗi hộ được khảo sát thuộc 3 phường Hương An, Hương Chữ và Hương Xuân là từ 673,7m² đến 3.908,3m², trong đó phường Hương Chữ là phường có diện tích đất trung bình cao nhất; Diện tích đất được các hộ dùng để trồng hành là từ 312,2m² đến 2.005m², trong đó Hương An là phường có diện tích đất trung bình canh tác trồng hành cao nhất; Số vụ trồng hành của các hộ đạt trung bình từ 2,5 đến 2,7 vụ/năm; Giống hành được các hộ nông dân chọn để canh tác ở phường Hương An theo thứ tự là hành trâu, hành xanh, hành miền Nam, hành lai F1 và khác là 0%, 60%, 15%, 23,3%, 1,7%; Cũng theo thứ tự như vậy đối với phường Hương Chữ là 13,3%, 78,3%, 1,7%, 6,7%, 0%; Phường Hương Xuân là 6,7%, 93,3%, 0%, 0%, 0% . Từ kết quả khảo sát cho thấy giống hành xanh là giống hành được các hộ nông dân ở phường Hương An, Hương Chữ và Hương Xuân chọn làm giống canh tác nhiều nhất; Loại phân mà bà con sử dụng chủ yếu là phân chuồng (từ 117,6 kg/sào đến 242,4 kg/sào), các loại phân khác như ure, kali, lân, NPK, vi sinh và phân bón lá được bà con sử dụng ít hơn (từ 0,3 đến 4,9 gói/hộ/sào); Năng suất hành của 3 phường dao động từ 8,3 đến 8,4 tạ/sào cho thấy sản lượng hành của ba phường sản xuất đạt hiệu quả và năng suất cao; Đầu ra hành lá của các hộ dân chủ yếu bỏ cho thương lái đến thu mua tại chỗ (chiếm từ 65% đến 95%), số hành còn lại được bà con đưa đi bán lẻ tại các chợ và bằng một số hình thức khác.

2. Tình hình dịch hại hành lá và thuốc phòng trừ dịch hại tại thị xã Hương Trà

Bảng 3. Thành phần dịch hại và mức độ phổ biến trên hành lá tại thị xã Hương Trà.

TT	Dịch hại		Mức độ gây hại phổ biến tại các phường		
	Tên tiếng Việt	Tên La-tinh	Hương An	Hương Chữ	Hương Xuân
1	Sâu xanh	<i>Spodoptera exigua</i>	+++	+++	+++
2	Ruồi đục lá	<i>Liryomyza trifolia</i>	+++	+++	+
3	Bệnh đốm vòng lá	<i>Alternaria porri</i>	+++	+++	+
4	Cháy lá	<i>Bostrytis</i> sp.	+++	+++	+
5	Bệnh thán thư	<i>Colletotricum gloeosporioides</i>	+++	+++	+
6	Khô đầu lá	<i>Stemphylium botryosum</i>	+	+	+
7	Thối trắng	<i>Sclerotinia allii</i>	-	-	+
8	Thối rễ	-	-	+	+
9	Bệnh sương mai	<i>Peronospora schleidni</i>			

Ghi chú: - Không xuất hiện; + Ít phổ biến; ++ Phổ biến; +++ Rất phổ biến.

Bảng 3 cho thấy ở phường Hương An, Hương Chữ và Hương Xuân sâu xanh là đối tượng dịch gây hại rất phổ biến và nguy hiểm đối với hành lá. Ở phường Hương An và Hương Chữ các đối tượng dịch hại là ruồi đục lá, bệnh đốm vòng lá, cháy lá và bệnh thán thư xuất hiện phổ biến, tại phường Hương Xuân những đối tượng trên ít phổ biến hơn. Ngoài ra, trên địa bàn phường Hương An, Hương Chữ và Hương Xuân còn có các dịch bệnh gây hại cho cây hành lá nhưng mức độ ít phổ biến hơn như khô đầu lá, thối trắng, thối rễ.

Bảng 4. Thời gian và mức độ gây hại của các loài dịch hại trên hành lá tại thị xã Hương Trà.

Phường	Tên dịch hại	Mùa gây hại	Vị trí gây hại	Mức độ hại
Hương An	Sâu xanh	Quanh năm	Lá	+++
	Ruồi đục lá	Hè, hè thu	Lá	+++
	Bệnh đốm vòng lá	Mùa mưa	Lá	++
	Cháy lá	Hè	Lá	++
	Bệnh thán thư	Mùa mưa	Thân, lá	++
Hương Chữ	Sâu xanh	Quanh năm	Lá	+++
	Ruồi đục lá	Hè, hè thu	Lá	+++
	Bệnh đốm vòng lá	Mùa mưa	Lá	++
	Cháy lá	Hè	Lá	++
	Bệnh thán thư	Mùa mưa	Thân, lá	++
Hương Xuân	Sâu xanh	Quanh năm	Lá	+++
	Ruồi đục lá	Hè, hè thu	Lá	+++

Ghi chú: +++ Rất nặng; ++ Nặng.

Bảng 4 cho thấy kết quả điều tra thời gian và mức độ gây hại của các loài dịch hại trên cây hành lá ở phường Hương An, Hương Chữ và Hương Xuân thì sâu xanh là loài dịch hại gây hại quanh năm và có mức độ gây hại rất nặng đối với cây hành lá, bộ phận gây hại chủ yếu của sâu xanh là lá hành – đây là một bộ phận rất quan trọng và ảnh hưởng đến sản lượng cũng như chất lượng của cây hành. Ngoài ra ở cả ba phường còn có các đối tượng dịch hại khác như ruồi đục lá gây hại vào mùa hè và hè thu, bệnh đốm vòng lá gây hại vào mùa mưa, cháy lá gây hại vào mùa hè với mức độ gây hại rất nặng, bệnh thán thư gây hại vào mùa mưa trên thân và lá của cây hành. Các loài dịch hại trên rất phổ biến và gây hại quanh năm, sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản lượng hành cũng như thu nhập của người nông dân nếu như không có biện pháp phòng trừ hợp lý.

Bảng 5. Các loại thuốc trừ sâu hại hành lá tại thị xã Hương Trà.

Phường	Sâu hại	Hoạt chất	Tên thuốc	Số hộ sử dụng/60 hộ/phường	% so với tổng số hộ
Hương An	Sâu xanh	Temephos	Abate 1SG	4	6,7
		Emamectin benzoate	Go Good One 5WG	3	5,0
			Dylan 10EC	1	1,7
		Cypermethrin, Chlorpyrifos Ethyl	Tungcydan 55EC	9	15,0
		Spinetoram	Radiant 60SC	39	65,0
		Karanjin	Takare 2EC	4	6,7
	Ruồi đục lá	Cypermethrin, Chlorpyrifos Ethyl	Tungcydan 55EC	1	1,7
		Temephos	Abate 1SG	36	60,0
		Fipronil	Regent 800WG	10	16,7
			Fidegent 800WG	8	13,3
Hương Chữ	Sâu xanh	Temephos	Abate 1SG	1	1,7
		Emamectin benzoate	Go Good One 5WG	10	16,7
			Dylan 10EC	28	46,7
		Spinetoram	Radiant 60SC	12	20,0
		Karanjin	Takare 2EC	2	3,3
		Cypermethrin, Chlorpyrifos Ethyl	Tungcydan 55EC	2	3,3
		Chlorpyrifos Ethyl, Fipronil	Wellof 330EC	3	5,0
		Indoxacarb	Opulent 150SC	1	1,7
		Fipronil	Fidegent 800WG	1	1,7
	Ruồi đục lá	Temephos	Abate 1SG	20	33,3
		Fipronil	Regent 800WG	1	1,7
			Fidegent 800WG	15	25,0
		Emamectin benzoate	Go Good One 5WG	20	33,3
		Abamectin	Reasgant 3.6EC	4	6,7

Phường	Sâu hại	Hoạt chất	Tên thuốc	Số hộ sử dụng/60 hộ/phường	% so với tổng số hộ
Hương Xuân	Sâu xanh	Temephos	Abate 1SG	1	1,7
		Emamectin benzoate	Go Good One 5WG	2	3,3
			Dylan 10EC	3	5,0
		Spinetoram	Radiant 60SC	31	51,7
	Ruồi đục lá	Temephos	Abate 1SG	35	58,3
		Fipronil	Regent 800WG	1	1,7
			Fidegent 800WG	1	1,7
		Emamectin benzoate	Go Good One 5WG	19	31,7
		Abamectin	Reasgant 3.6EC	4	6,7

Bảng 5 cho thấy tại một phường điều tra người nông dân sử dụng nhiều loại thuốc trừ sâu khác nhau để trừ một loại sâu. Ở phường Hương An và Hương Xuân đa số hộ dân chủ yếu dùng thuốc Radiant 60SC để trừ sâu xanh, ở phường Hương Chữ thì chủ yếu dùng thuốc Dylan 10EC, những hộ dân còn lại thì dùng các loại thuốc khác như Abate 1SG, Go Good One 5WG, Tungcydan 55EC... Còn đối với ruồi đục lá thì các hộ dân ở cả ba phường đều dùng thuốc Abate 1SG, các hộ còn lại dùng thuốc Regent 800WG, Fidegent 800WG, Go Good One 5WG... để trừ sâu bệnh.

Bảng 6. Các loại thuốc trừ bệnh hại hành lá tại thị xã Hương Trà.

Phường	Sâu hại	Hoạt chất	Tên thuốc	Số hộ sử dụng/60 hộ/phường	% so với tổng số hộ
Hương An	Bệnh đốm vòng lá	Mancozeb	Dithane M-45 80WP	3	5,0
		Trifloxystrobin, Tebuconazole	Nativo 750WG	3	5,0
		Metalaxyl	Ridomil Gold 68WP	3	5,0
	Cháy lá	Propineb	Antracol 70WP	1	1,7
		Trifloxystrobin, Tebuconazole	Nativo 750WG	23	38,3
	Thán thư	Metalaxyl	Ridomil Gold 68WP	31	51,7
		Validamycin	Validacin 5L	1	1,7
		Mancozeb	Dithane M-45 80WP	2	3,3
		Carbendazim	Carbenda supper 50SC	4	6,7
		<i>Trichoderma</i> sp.	Trichoderma	1	1,7

Phường	Sâu hại	Hoạt chất	Tên thuốc	Số hộ sử dụng/60 hộ/phường	% so với tổng số hộ
Hương Chũ	Bệnh đốm vòng lá	Trifloxystrobin, Tebuconazole	Nativo 750WG	1	1,7
		Metalaxyl	Ridomil Gold 68WP	1	1,7
		Validamycin	Validacin 5L	1	1,7
	Cháy lá	Propineb	Antracol 70WP	1	1,7
		Trifloxystrobin, Tebuconazole	Nativo 750WG	2	3,3
		Mancozeb	Dithane M-45 80WP	1	1,7
		<i>Trichoderma</i> sp.	Trichoderma	1	1,7
	Thán thư	Metalaxyl	Ridomil Gold 68WP	28	46,7
		Validamycin	Validacin 5L	6	10,0
		Copper oxychloride	Coc 85WP	1	1,7
Hương Xuân	-		-	-	-

Ghi chú: - không sử dụng.

Bảng 6 cho thấy ở phường Hương An và Hương Chũ các hộ dân sử dụng các loại thuốc khác nhau để trừ một loại bệnh hại, ví dụ bệnh đốm vòng dùng thuốc Dithane M-45 80WP, Nativo 750WG, Ridomil Gold 68WP, Validacin 5L; Các bệnh khác như cháy lá, thán thư cũng được người dân sử dụng nhiều loại thuốc khác nhau ở mỗi hộ hay mỗi phường để phòng trừ sâu bệnh.

Bảng 7. Số lần sử dụng thuốc trừ sâu hại hành lá tại thị xã Hương Trà

Phường	Sâu hại	Số lần phun/vụ	Số hộ áp dụng	% so với tổng số hộ
Hương An	Sâu xanh	3	35	58,3
		4	9	15,0
		5	9	15,0
		8	3	5,0
		9	2	3,3
		10	2	3,3
	Ruồi đục lá	2	1	1,7
		3	32	53,3
		4	12	20,0
		5	3	5,0
		8	3	5,0
		9	3	5,0
		10	1	1,7

Phường	Sâu hại	Số lần phun/vụ	Số hộ áp dụng	% so với tổng số hộ
Hương Chũ	Sâu xanh	2	2	3,3
		3	36	60,0
		4	14	23,3
		5	6	10,0
		8	1	1,7
		10	1	1,7
	Ruồi đục lá	3	39	65,0
		4	21	35,0
Hương Xuân	Sâu xanh	2	1	1,7
		3	5	8,3
		4	31	51,7
	Ruồi đục lá	3	41	68,3
		4	19	31,7

Bảng 7 cho thấy người dân sản xuất hành tại thị xã Hương Trà đã áp dụng phun thuốc nhiều lần/vụ để phòng trừ sâu xanh và ruồi đục lá, cao hơn rất nhiều so với khuyến cáo của nhà sản xuất (nhà sản xuất thường khuyến cáo phun lần 1 và tái phun sau 7 - 10 ngày). Ở khu vực phường Hương An và Hương Chũ người dân áp dụng số lần phun cao, có những hộ phun đến 10 lần, phần lớn phun từ 3-5 lần/vụ.

Bảng 8. Số lần sử dụng thuốc trừ bệnh hại hành lá tại thị xã Hương Trà.

Phường	Bệnh hại	Số lần phun/vụ	Số hộ áp dụng	% so với tổng số hộ
Hương An	Nấm lá hành	3	9	15,0
		4	7	11,7
	Cháy lá	3	17	28,3
		2	13	21,7
	Thán thư	3	17	28,3
		4	2	3,3
		5	1	1,7
		6	5	8,3
		7	1	1,7
		3	2	3,3
Hương Chũ	Nấm lá hành	3	2	3,3
		4	1	1,7
	Cháy lá	3	5	8,3
		2	2	3,3
	Thán thư	3	28	46,7
		4	5	8,3
Hương Xuân	-	-	-	-

Ghi chú: - không ghi nhận được số liệu.

Bảng 8 cho thấy số lần phun thuốc trừ bệnh hại trên cây hành của các hộ dân được điều tra là khác nhau (2 lần, 3 lần, 4 lần, 5 lần, 6 lần...), đối với các bệnh như nấm lá hành, cháy lá, thán thư đa số người dân áp dụng phun từ 2 lần đến 3 lần để phòng và trừ bệnh hại cho cây hành. Qua kết quả điều tra cho thấy, số lần phun thuốc trừ sâu bệnh tại phường Hương An cao hơn so với khuyến cáo, đặc biệt là đối với bệnh thán thư, người dân phun quá nhiều lần, trong khi khuyến cáo chỉ từ 2-3 lần.

Bảng 9. Đánh giá chung của người dân về hiệu quả trừ dịch hại từ việc sử dụng thuốc trừ sâu đối với các loài dịch hại trên cây hành lá tại thị xã Hương Trà.

Phường	Dịch hại	Hiệu quả					
		Cao		Trung bình		Thấp	
		Số hộ áp dụng	% *	Số hộ áp dụng	%	Số hộ áp dụng	%
Hương An	Sâu xanh	27	45,0	28	46,7	5	8,3
	Ruồi đục lá	27	45,0	27	45,0	1	1,7
	Bệnh đốm vòng lá	7	11,7	2	3,3	0	0,0
	Cháy lá	8	13,3	16	26,7	0	0,0
	Bệnh thán thư	28	46,7	10	16,7	1	1,7
Hương Chữ	Sâu xanh	24	40,0	35	58,3	1	1,7
	Ruồi đục lá	18	30,0	42	70,0	0	0,0
	Bệnh đốm vòng lá	1	1,7	2	3,3	0	0,0
	Cháy lá	2	3,3	3	5,0	0	0,0
	Bệnh thán thư	7	11,7	28	46,7	0	0,0
Hương Xuân	Sâu xanh	29	48,3	8	13,3	0	0,0
	Ruồi đục lá	5	8,3	55	91,7	0	0,0

Ghi chú: %* so với 60 hộ điều tra, mỗi hộ có thể áp dụng quản lý nhiều loài dịch hại.

Bảng 9 cho thấy các hộ được điều tra sử dụng thuốc để trừ các loài dịch gây hại đối với cây hành lá ở phường Hương An, Hương Chữ và Hương Xuân có hiệu quả từ mức trung bình đến mức cao. Ở phường Hương An có một số trường hợp hiệu quả của việc sử dụng thuốc để phòng trừ sâu bệnh còn thấp (5 hộ áp dụng phun thuốc trừ sâu xanh nhưng hiệu quả thấp). Việc sử dụng thuốc trừ sâu để phòng trừ các loài dịch hại trên cây hành lá ở các phường được điều tra là có hiệu quả nhưng các hộ dân không nên vì vậy mà quá lạm dụng việc sử dụng thuốc dẫn đến ảnh hưởng môi trường và sức khỏe con người... Việc phun thuốc trừ bệnh hại cho cây hành lá cần phải áp dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất để bảo vệ môi trường, sức khỏe của bà con và người tiêu dùng.

3. Hiệu quả sản xuất hành lá tại thị xã Hương Trà

Bảng 10. Giá bán và hiệu quả sản xuất hành lá tại thị xã Hương Trà.

TT	Chỉ tiêu		Đơn vị tính	Phường		
				Hương An	Hương Chữ	Hương Xuân
1	Giá bán	Lúc đắt	Nghìn đồng/kg	20,3	15,1	15,2
		Lúc rẻ	Nghìn đồng/kg	6,4	5,5	5,0
2	Hiệu quả sản xuất	Lãi lúc giá cao	Triệu/sào/vụ	10,2	7,8	5,4
		Lãi lúc giá thấp	Triệu/sào/vụ	3,0	2,8	1,7
		Lãi lúc giá trung bình	Triệu/sào/vụ	5,7	5,2	3,1
		Lãi trong 1 năm	Triệu/sào/vụ	15,5	14,6	9,4

Bảng 10 cho thấy giá bán hành lá của các hộ dân được khảo sát ở phường Hương An, Hương Chữ và Hương Xuân lúc đắt dao động từ 15,1 đến 20,3 nghìn đồng/kg, trong đó Hương An là phường có giá bán trung bình cao nhất với 20,3 nghìn đồng/kg. Giá bán lúc rẻ từ 5 đến 6,4 nghìn đồng/kg. Lãi suất lúc giá cao từ 5,4 đến 10,2 triệu/sào/vụ, lúc giá thấp là 1,7 đến 3 triệu/sào/vụ, lúc giá trung bình là 3,1 đến 5,7 triệu/sào/vụ. Lãi trong một năm từ 9,4 đến 15,5 triệu/sào/vụ. Các hộ dân phường Hương An có lãi suất nhiều nhất từ việc sản xuất hành so với các hộ dân ở phường Hương Chữ và Hương Xuân.

IV. Kết luận và kiến nghị

1. Kết luận

- Người dân tại thị xã Hương Trà có nhiều kinh nghiệm trong việc sản xuất hành lá.

- Tình hình dịch gây hại nhiều đối với cây hành lá ở phường Hương An, Hương Chữ và Hương Xuân thuộc thị xã Hương Trà. Số lần và loại thuốc được người dân sử dụng để phòng trừ sâu bệnh cho cây hành lá vượt quá quy định của nhà sản xuất, gấp 2-3 lần so với khuyến cáo, trong khi hiệu quả chủ yếu đạt mức trung bình.

- Lãi suất từ việc sản xuất hành lá của người dân lúc giá cao đạt từ 5,4 đến 10,2 triệu/sào/vụ, trung bình là 3,1 đến 5,7 triệu/sào/vụ.

2. Kiến nghị

- Tăng cường tập huấn kỹ thuật sản xuất hành lá theo quy trình ICM, đảm bảo an toàn và hiệu quả, chú trọng các biện pháp bảo vệ thực vật cho cây hành lá, ưu tiên các biện pháp sinh học.

- Cải tạo hệ thống thủy lợi để cung cấp nước tưới vào mùa khô và chống ngập nước vào mùa lũ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Minh Hiếu, Phạm Tiến Dũng, Lê Đình Phùng (2013). *Giáo trình phương pháp thí nghiệm trong nông học*. Nxb Đại học Huế.
2. Trần Đăng Hòa, Trần Đăng Khoa, Lê Khắc Phúc (2011). “Rau an toàn và một số vấn đề về sản xuất rau an toàn”. Tạp chí *Nghiên cứu và Tăng trưởng*. Số 3 (86), tr. 97-101.
3. Trần Đăng Hòa, Lê Khắc Phúc, Nguyễn Thị Thu Hương (2014). “Thực trạng sản xuất rau và sự hiểu biết về rau an toàn ở Thừa Thiên Huế”. Tạp chí *Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*. Tập 12/2014. Số 243, tr. 17 - 23.
4. Trần Đăng Khoa, Trần Thị Bích Ngọc, Cao Ngọc Tâm, Mai Thị Tá, Trần Văn Trung, Thái Thị Mỹ Thành, Lê Khắc Phúc (2011). *Khả năng thay thế phân hóa học bằng phân hữu cơ vi sinh cho cây hành (Allium fistulosum) tại Thừa Thiên Huế*. Hội nghị Khoa học và công nghệ tuổi trẻ các trường Đại học và Cao đẳng Khối nông - lâm - ngư - thủy lợi toàn quốc lần thứ V năm 2011, Cần Thơ, tháng 5/2011.
5. Quy chuẩn Quốc gia QCVN 01-169: 2014/BNNPTNT: *Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về phương pháp điều tra phát hiện dịch hại cây rau họ hoa thập tự*. Ban hành tại Thông tư số 16/TT-BNNPTNT, ngày 5/6/2014.

TÓM TẮT

Qua khảo sát thực trạng sản xuất hành lá tại thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế cho thấy người dân tại thị xã Hương Trà có nhiều kinh nghiệm trong việc sản xuất hành lá, trình độ học vấn trung bình từ 7,4 đến 8,5 theo cấp độ 12/12, độ tuổi trung bình từ 52,5 đến 55,7 tuổi, số nhân khẩu từ 4,6 - 4,9 người/hộ gia đình, số lao động trồng hành từ 2,4 đến 3,0 người/gia đình. Giống hành được người dân trồng là hành trâu, hành xanh, hành miền Nam, hành lai F1, trong đó hành xanh và hành trâu được trồng nhiều nhất. Các loại phân được sử dụng để bón là ure, kali, lân, NPK, chuồng và phân vi sinh. Năng suất trung bình là 8,3 tạ/sào, hành được thương lái tới tận ruộng để thu mua là chủ yếu. Các loài sâu gây hại chủ yếu là sâu xanh, ruồi đục lá,... bệnh chủ yếu là đốm vòng lá, cháy lá. Các hộ dân sử dụng nhiều loại thuốc khác nhau để phòng trừ sâu bệnh cho cây hành lá, hiệu quả của các loại thuốc ở mức độ trung bình đến cao. Giá bán của hành lá giao động từ 15 đến 20.000 đồng/kg, doanh thu đạt từ 10 đến 15,5 triệu đồng/sào/vụ.

ABSTRACT

REALITY SITUATION OF GREEN ONION PRODUCTION IN HƯƠNG TRÀ TOWN, THỪA THIÊN HUẾ PROVINCE

The survey of the status of green onion production in Hương Trà Town, Thừa Thiên Huế Province shows that people in Hương Trà Town had a lot of experience in the production of green onions, the average educational level is from 7.4 to 8.5 according of the level 12/12, the average age from 52.5 to 55.7 years old, the number of people from 4.6 to 4.9 people/household, the number of famer planting green onion from 2.4 up to 3.0 people/household. The green onion varieties mainly consisted of buffalo, green onion, southern onion, F1 hybrid, mainly cultivated green onion and buffalo onion. Fertilizers used include: Urea, potassium, phosphorus, NPK, barns and compost. The average yield is 8.3 quintals/500m², traders mainly drive to the purchasing field. Pests and diseases are mainly beet armyworm, leafminer, leaf dryness, etc. There are many types of pesticides used by households, and their efficacy is moderate from average to high. The selling price of green onions is from 15.000 to 20.000 VND/kg, the revenue from green onion production reaches from 10 to 15.5 million VND/500m²/crop.